

Bản án số: 55/2020/DS-PT
Ngày: 8-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tô Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 27 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Bích D, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư M, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn A: Luật sư ông Nguyễn Thanh D, Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2.2 Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người làm chứng:*

3.1 NLC1, sinh năm 1999 (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3.2 NLC2, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2019, nguyên đơn bà Phạm Bích D trình bày:*

Bà có làm đầu thảo hụi, ông A, bà L là hụi viên, vô hụi của bà 02 dây, 04 chân, khi hốt xong thì ông A, bà L không đóng hụi chết, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 20.000.000 đồng, khai ngày 12/9/2017, có 30 chân, ông A đứng tên 01 chân, bà L đứng tên 02 chân. Lần đầu khai vào ngày 12/9/2017, ông A, bà L bỏ thăm 4.700.000 đồng, hốt được 443.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông A, bà L đóng hụi chết đến lần khai thứ 15 thì ngưng, từ lần khai thứ 16 đến lần khai thứ 21 (ngày 12/5/2019) vợ chồng ông A không đóng đầy đủ, còn thiếu bà 275.600.000 đồng, bà đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Từ lần khai lần thứ 22 (ngày 12/6/2019) đến ngày 12/12/2019, ông A, bà L không đóng hụi chết 7 lần x 20.000.000 đồng x 3 chân = 420.000.000 đồng. Bà phải đóng thay cho ông A, bà L số tiền này.

Dây 2: Hụi tháng 10.000.000 đồng, khai ngày 24/3/2018, có 23 chân, ông A, bà L tham gia 01 chân và hốt vào lần khai đầu ngày 24/03/2018, bỏ thăm 2.300.000 đồng hốt được số tiền 169.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi, tính đến ngày 24/5/2019 ông A, bà L còn thiếu tiền hụi bà 30.000.000 đồng, bà đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Từ lần khai lần thứ 15 (ngày 24/5/2019) đến ngày hụi mãn là 24/01/2020, ông A, bà L không đóng hụi chết 8 lần x 10.000.000 đồng x 01 chân = 80.000.000 đồng. Bà phải đóng thay cho ông A, bà L số tiền này.

Ngoài ra, ngày 13/5/2013 bà L có nhờ bà vay dùm số tiền 100.000.000 đồng, khi vay bà L có làm biên nhận. Từ khi vay cho đến nay bà L không trả vốn.

Nay bà yêu cầu ông A và bà L phải trả cho bà số tiền hụi 510.000.000 đồng và tiền vay 100.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 6/12/2019.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn A đã ly hôn vào tháng 10/2019 nhưng ông bà vẫn sống chung nhà, bà có nói cho ông A biết việc bà D khởi kiện bà và ông A, nhưng ông A không muốn tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bà thừa nhận vào ngày 13/5/2013, bà có vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà đã trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết số nợ này. Việc bà trả tiền hàng tháng cho bà D, bà D có ký nhận vào sổ cho bà, bà không nhớ đã trả dứt nợ cho bà D vào thời gian nào, bà sẽ cung cấp sổ cho Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hết thời hạn này mà bà không cung cấp thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi như bà D trình bày, tuy nhiên từ tháng 6/2019 đến nay, bà vẫn đóng hụi đầy đủ cho bà D hàng tháng, mỗi tháng 60.000.000 đồng. Số tiền này do con bà là NLC1 đi đến nhà bà D để giao tiền, khi nhận tiền bà D không có làm giấy tờ gì.

Ngoài khoản tiền hụi trước đây bà D đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện K giải quyết bằng bản án số 36/2019/DS-ST ngày 16/7/2019 (khoản nợ của các dây hụi nêu trên tính đến ngày 12/5/2019) thì bà không còn nợ bà D khoản tiền hụi nào khác. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D vì bà không còn nợ bà D khoản tiền nào.

Bà vay tiền của bà D 100.000.000 đồng để đóng hụi và xoay sở nợ nần trong việc kinh doanh của gia đình, ông A không biết đến khoản nợ này. Còn tiền hụi thì ông A chỉ biết bà có tham gia hụi của bà D mà không rõ bà tham gia các dây hụi nào và nợ bà D bao nhiêu. Tiền hụi bà cũng dùng để trả nợ kinh doanh của gia đình.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 27 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 16, 17, 22, 24, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần, thay đổi một phần và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Bích D.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Bích D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L trả cho bà nợ vay 100.000.000 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Bích D tiền hụi vốn còn thiếu là 500.000.000 đồng và lãi

30.710.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 530.710.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-4-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L kháng cáo có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu vợ chồng của bà trả tiền hụi còn thiếu 500.000.000 đồng cho bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện yêu cầu bà L và ông A trả tiền hụi; bị đơn có kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm liên đới cùng bà Bích L để trả số tiền hụi cho bà D.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L thừa nhận bị đơn có tham gia hai dây hụi do nguyên đơn làm chủ, cụ

thẻ: Dây hụi tháng 20.000.000 đồng mở vào ngày 12-9-2017 có 30 chân (phần), bị đơn tham gia 03 chân, đã hốt lần đầu ngày 12-9-2017; dây hụi tháng 10.000.000 đồng, mở ngày 24-3-2018, có 23 chân, bị đơn tham gia 01 chân, đã hốt lần đầu ngày 24-3-2018, các dây hụi này bị đơn đã đóng đầy đủ các phần hụi chết cho nguyên đơn, trong đó dây hụi tháng 20.000.000 đồng, bị đơn đóng từ tháng 6/2019 đến ngày 12-12-2019 kết thúc dây hụi, bị đơn đã đóng đầy đủ là 07 lần x 20.000.000 đồng x 03 chân = 420.000.000 đồng; Đối với dây hụi tháng 10.000.000 đồng thì từ tháng 5/2019 đến ngày 24-01-2020 kết thúc dây hụi, bị đơn đã đóng đầy đủ là 8 lần x 10.000.000 đồng x 01 chân = 80.000.000 đồng. Mỗi lần đóng tiền hụi cho nguyên đơn thì bị đơn đưa tiền cho con tên là NLC1 cùng với người bạn của NLC1 tên là NLC2 chạy xe đến nhà của nguyên đơn giao trả tiền hụi cho nguyên đơn, khi giao tiền chỉ giao bằng lời nói, không có giấy tờ, nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn A thừa nhận lời khai của ông tại bản lấy lời khai ngày 02-7-2019 là đúng của ông, biên bản có nội dung như sau: Chữ ký tên, chữ viết Nguyễn Văn A trong biên nhận ngày 25-12-2018 là chữ viết của tôi, còn dấu Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ A trong biên nhận là dấu của DNTN A do tôi làm chủ. Tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi còn thiếu bà Phạm Bích D 900.000.000 đồng... Còn việc chơi hụi là do vợ tôi là Nguyễn Thị Bích L chơi với bà D, khi chơi vợ tôi có nói với tôi, nhưng tôi không rõ vợ tôi chơi mấy dây hụi và hiện nay thiếu tiền hụi của bà D là bao nhiêu, số tiền nợ hụi thì do vợ tôi quyết định. Hiện nay kinh doanh đang gặp khó khăn nên tôi xin trả dài hạn, một tháng trả 04 đến 05 triệu đồng. Tôi yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì tôi thừa nhận nợ theo biên nhận và theo sự thừa nhận của vợ tôi (bút lục số 44).

[2.3] Phía nguyên trình bày:

Đối với dây hụi tháng 20.000.000 đồng, mở ngày 12/9/2017, có 30 chân, ông A đứng tên 01 chân, bà L đứng tên 02 chân. Bị đơn hốt lần đầu. Sau khi hốt hụi, ông A, bà L đóng hụi chết đến lần thứ 15 thì ngưng, từ lần thứ 16 đến lần thứ 21 (ngày 12/5/2019) vợ chồng ông A không đóng đầy đủ, còn thiếu bà 275.600.000 đồng, bà đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Từ lần thứ 22 (ngày 12/6/2019) đến ngày 12/12/2019 kết thúc dây hụi thì các bị đơn không đóng hụi chết 07 lần x 20.000.000 đồng x 03 chân = 420.000.000 đồng. Bà phải đóng thay cho ông A, bà L số tiền này.

Đối với dây hụi tháng 10.000.000 đồng, mở ngày 24/3/2018, có 23 chân, ông A, bà L tham gia 01 chân và hốt lần đầu ngày 24/03/2018, sau khi hốt hụi, tính đến ngày 24/5/2019 ông A, bà L còn thiếu tiền hụi bà 30.000.000 đồng, bà đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Từ lần khai thứ 15 (ngày 24/5/2019) đến ngày

kết thúc dây hui ngày 24/01/2020, ông A, bà L không đóng hui chết 08 lần x 10.000.000 đồng x 01 chân = 80.000.000 đồng. Bà phải đóng thay cho ông A, bà L số tiền này.

Nay bà yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà tiền hui bà đã đóng thay như đã nêu trên với số tiền là 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định.

[2.4] Căn cứ vào lời trình bày của các bên như đã nêu trên và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy:

Giữa nguyên đơn với bị đơn có tham gia giao dịch hui tháng, bị đơn là hui viên có tham gia hai dây hui do nguyên đơn bà Phạm Bích D làm chủ, giữa hai bên không lập sổ sách ký nhận rõ ràng. Bị đơn cho rằng các chân hui chết bị đơn đã đóng cho nguyên đơn đầy đủ, mỗi lần đóng tiền hui cho nguyên đơn thì bị đơn đưa tiền cho con tên là NLC1 cùng với người bạn của NLC1 tên là NLC2 chạy xe đến nhà của nguyên đơn giao trả tiền hui cho nguyên đơn, nhưng bị đơn và người làm chứng không xác định được ngày tháng cụ thể cũng như số tiền cụ thể giao trả tiền hui chết cho nguyên đơn, phía nguyên đơn thì không thừa nhận việc bị đơn giao trả tiền hui, ngoài ra bị đơn bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc bà đã giao trả đủ tiền hui chết cho nguyên đơn, nên lời trình bày này của bị đơn là không có cơ sở.

Mặt khác, nhận thấy tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã có hiệu lực pháp luật, phần nhận định của bản án xác định nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hui đối với các dây hui nêu trên tính đến tháng 5/2019. Do vậy, có cơ sở xác định đối với dây hui tháng 20.000.000 đồng, từ lần thứ 22 (ngày 12/6/2019) đến ngày 12/12/2019 kết thúc dây hui thì các bị đơn không đóng hui chết 07 lần x 20.000.000 đồng x 03 chân = 420.000.000 đồng; đối với dây hui tháng 10.000.000 đồng, từ lần thứ 15 (ngày 24/5/2019) đến ngày kết thúc dây hui ngày 24/01/2020, ông A, bà L không đóng hui chết 08 lần x 10.000.000 đồng x 01 chân = 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận từ khi bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã có hiệu lực pháp luật cho đến nay thì bị đơn cũng chưa thi hành trả tiền cho nguyên đơn theo quyết định của bản án đã tuyên.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm căn cứ vào Điều 471, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 16, 17, 22, 24, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường, xét xử buộc ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Bích D tiền hui vốn còn thiếu là 500.000.000 đồng và lãi 30.710.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 530.710.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu bảy trăm mười ngàn đồng) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm liên đới cùng bà Bích L để trả số tiền hui cho bà D.

Với những phân tích tại [2.4], nhận thấy lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn A là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Kiểm sát sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 27 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ Điều 471, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 16, 17, 22, 24, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “Về họ, hui, biểu, phường”.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần, thay đổi một phần và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Bích D.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Bích D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L trả cho bà Phạm Bích D nợ vay 100.000.000 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Bích D tiền hui vốn còn thiếu là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 30.710.000 đồng (ba mươi triệu bảy trăm mười nghìn

đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 530.710.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền vốn tương ứng với thời giam chậm trả.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L phải liên đới chịu án phí là 25.228.400 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

Bà Phạm Bích D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà D 14.200.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002526 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002772 ngày 20-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Tố Hương